

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-09-2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Đính.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Thống;

Ông Hà Thanh Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Cẩm H**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau** (có đơn xin vắng).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1974; địa chỉ: **Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn* **Hồ Cẩm H** trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2003, bà **H** và ông **Nguyễn Văn D** thành hôn, đến năm 2008 ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) **xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau**.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng gần đây thì vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên hôn nhân không hạnh phúc. Tháng 4 năm 2020 ông bà sống ly thân cho đến nay; bản thân hết tình cảm, hôn nhân không hàn gắn được bà **H** yêu cầu ly hôn với ông **D**.

Con chung 02 người tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 03/3/2004 (nữ);

**Nguyễn Bích T**, sinh ngày 06/01/2008 (nữ). Hiện tại hai người con sống chung với bà **H**, khi ly hôn Nguyễn Như Y trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu; bà **H** có yêu cầu được tiếp tục nuôi **Nguyễn Bích T**, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn D**, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hết thời hạn pháp luật quy định, đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà **Hồ Cẩm H** và bị đơn ông **Nguyễn Văn D** vắng mặt, không có ý kiến khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn bà **Hồ Cẩm H** có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn D** được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

### **Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo hồ sơ thể hiện, bà **Hồ Cẩm H** và ông **Nguyễn Văn D** thành hôn năm 2003, đến năm 2008 ông bà mới đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 03/2008 ngày 12 tháng 8 năm 2008 của **UBND xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau**, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Trong thời gian chung sống, theo trình bày của bà **H**, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, bà **H** yêu cầu ly hôn ông **D** không có ý kiến. Tòa án thông báo cho ông **D** biết về việc Tòa án thụ lý vụ án, nhưng hết thời hạn quy định ông **D** không có ý kiến. Thấy rằng, giữa ông bà sống ly thân thời gian dài, không quan tâm chăm sóc nhau, ai lo thân người đó, nếu có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên, nên chấp nhận yêu cầu của bà **H** cho bà được ly hôn với ông **D**.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Như Y, sinh ngày 03/3/2004 (nữ); **Nguyễn Bích T**, sinh ngày 06/01/2008 (nữ). Hiện tại sống chung với bà **H**, khi ly hôn Như Y trưởng thành sống tự lập được bà **H** không đặt ra yêu cầu nên không xem xét; Đối với **Bích T**, bà **H** có yêu cầu tiếp tục nuôi cháu, ông **D** không có ý kiến. Thấy rằng từ khi ông bà sống ly thân cháu sống chung

với bà **H** cuộc sống cháu ổn định nên giao cháu **T** cho bà **H** tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Hồ Cẩm H** về việc xin ly hôn với ông **Nguyễn Văn D**.

Cho bà **Hồ Cẩm H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn D**.

- Về con chung: Giao cho bà **H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Bích T**, sinh ngày 06/01/2008 (nữ).

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom chăm sóc con không ai cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0014064 ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân nguyên đơn đã nộp đủ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Đính**